

Bản án số: 136/2022/DS-ST

Ngày: 19/05/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Lệ Thu;
2. Ông Nguyễn Như Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài Thu - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Võ Thị Ngọc Châu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/5/2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2021/TLST-DS ngày 19/01/2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2022/QĐHPT-DS ngày 11 tháng 03 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ: Đường A, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế Đ, ông Nguyễn Trí M, ông Nguyễn Thanh B; địa chỉ: Đường A, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 035583.22 ngày 19/4/2022).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B sinh năm 1976; địa chỉ: đường C, Tổ D, Khu phố Đ, phường E, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; Bản tự khai; Biên bản không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q có ông Nguyễn Thanh B là đại diện hợp pháp trình bày:

- Ngày 05/10/2017, bà Nguyễn Thị B có ký với Ngân hàng TMCP Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng số 1382.HĐTD-VIB601.17. Ngân hàng đã đồng ý cấp hạn mức tín dụng với hạn mức là 330.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm ba mươi triệu đồng), với mục đích: Vay tiêu dùng; Thời hạn vay: 72 tháng từ tính từ ngày tiếp theo ngày Khoản Vay được giải ngân đến 06/10/2023; Lãi suất: 11.49%/năm.

Tài sản thế chấp để bảo đảm cho số tiền vay tại hợp đồng tín dụng nêu trên là: Xe ô tô nhãn hiệu FORD, số loại: ECOSPORT, loại xe: Ô tô con, màu sơn: Nâu, biển số đăng ký 51F-808.28, số máy: UEJA04538, số khung: SBAMFJR04538 đứng tên ông Nguyễn Mạnh Hải theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 284429 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/7/2017– theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1382/HĐTC-VIB601.17 ngày 05/10/2017, Phụ lục 1 kèm Hợp đồng thế chấp tài sản số 1382/HĐTC-VIB601.17 ngày 05/10/2017.

- Ngày 16/10/2017, bà Nguyễn Thị B có ký với Ngân hàng TMCP Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng số 1541.HĐTD-VIB601.17. Ngân hàng đã đồng ý cấp hạn mức tín dụng với hạn mức là 480.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi triệu đồng), với mục đích: Vay tiêu dùng; Thời hạn vay: 72 tháng từ tính từ ngày tiếp theo ngày 18/10/2017 đến ngày 17/10/2023; Lãi suất: 8.09%/năm.

Tài sản thế chấp để bảo đảm cho số tiền vay tại hợp đồng tín dụng nêu trên là: Xe ô tô nhãn hiệu SSANG YONG, số loại: TIVOLI, loại xe: Ô tô con, màu sơn: Ghi, biển số đăng ký 51G-000.48, số máy: 391002072671, số khung: BIVSHP134616 đứng tên bà Nguyễn Thị B theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 306684 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/10/2017– theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1451/HĐTC-VIB601/17 ngày 16/10/2017, Phụ lục 1 kèm Hợp đồng thế chấp tài sản số 1451/HĐTC-VIB601/17 ngày 16/10/2017.

Trong quá trình thực hiện quan hệ tín dụng, bà Nguyễn Thị B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ (lãi và gốc). Do bà Nguyễn Thị B không còn thiện chí, không còn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng mặc dù đã được Ngân hàng đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần. Do đó khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1382.HĐTD-VIB601.17 ngày 05/10/2017 Ngân hàng TMCP Q đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn từ ngày 15/01/2020 và khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1541.HĐTD-VIB601.17 ngày 16/10/2017 Ngân hàng TMCP Q đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn từ ngày 25/12/2019 và thông báo chấm dứt việc thực hiện đối với hợp đồng tín dụng trên, đồng thời tiến hành khởi kiện bà Nguyễn Thị B tại Tòa án nhân dân nhân dân Quận 7, yêu cầu cụ thể như sau: Buộc bà Nguyễn Thị B trả ngay một lần cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến hết ngày 18/5/2022 tổng cộng số tiền là: 728.063.324 đồng, trong đó Hợp đồng tín dụng số 1382.HĐTD-VIB601.17 ngày 05/10/2017 nợ gốc là 196.993.000 đồng và nợ lãi là 80.692.213 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 1541.HĐTD-VIB601.17 ngày 16/10/2017 nợ gốc là 313.375.000 đồng và nợ lãi là 137.003.111 đồng.

Bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 19/5/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị B vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định pháp luật nhưng bà Nguyễn Thị B không đến, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Huỳnh Quang Khải đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 86 và Điều 234 Bộ luật tố tụng năm 2015.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị B mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng năm 2015.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị B phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 1382.HĐTD-VIB601.17 ngày 05/10/2017 và Hợp đồng tín dụng số 1541.HĐTD-VIB601.17 ngày 16/10/2017, thì đây là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị B cư trú tại địa chỉ: đường C, Tổ D, Khu phố Đ, phường E, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q có văn bản lựa chọn Tòa án nhân dân Quận 7 là Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Do đó theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về hình thức

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà Nguyễn Thị B các văn bản tố tụng của Tòa án tuy nhiên bị đơn bà Nguyễn Thị B vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q đối với bị đơn bà Nguyễn Thị B, căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa:

Xét, căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1382.HĐTD-VIB601.17 ngày 05/10/2017 và Hợp đồng tín dụng số 1541.HĐTD-VIB601.17 ngày 16/10/2017 có đủ căn cứ xác định Ngân hàng TMCP Q và bà Nguyễn Thị B có ký hợp đồng vay tài sản, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 1382.HĐTD-VIB601.17 ngày 05/10/2017: hạn mức là 330.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm ba mươi triệu đồng), với mục đích: Vay tiêu dùng; Thời hạn vay: 72 tháng từ tính từ ngày tiếp theo ngày Khoản Vay được giải ngân đến 06/10/2023; Lãi suất: 11.49%/năm.

Tài sản thế chấp để bảo đảm cho số tiền vay tại hợp đồng tín dụng nêu trên là: Xe ô tô nhãn hiệu FORD, số loại: ECOSPORT, loại xe: Ô tô con, màu sơn: Nâu, biển số đăng ký 51F-808.28, số máy: UEJA04538, số khung: SBAMFJR04538 đứng tên ông Nguyễn Mạnh H theo Giấy chứng nhận đăng

ký xe ô tô số 284429 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/7/2017– theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1382/HĐTC-VIB601.17 ngày 05/10/2017, Phụ lục 1 kèm Hợp đồng thế chấp tài sản số 1382/HĐTC-VIB601.17 ngày 05/10/2017.

Hợp đồng tín dụng số 1541.HĐTD-VIB601.17 ngày 16/10/2017: hạn mức tín dụng với hạn mức là 480.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi triệu đồng), với mục đích: Vay tiêu dùng; Thời hạn vay: 72 tháng từ tính từ ngày tiếp theo ngày 18/10/2017 đến ngày 17/10/2023; Lãi suất: 8.09%/năm.

Tài sản thế chấp để bảo đảm cho số tiền vay tại hợp đồng tín dụng nêu trên là: Xe ô tô nhãn hiệu SSANG YONG, số loại: TIVOLI, loại xe: Ô tô con, màu sơn: Ghi, biển số đăng ký 51G-000.48, số máy: 391002072671, số khung: BIVSHP134616 đứng tên bà Nguyễn Thị B theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 306684 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/10/2017– theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1451/HĐTC-VIB601/17 ngày 16/10/2017, Phụ lục 1 kèm Hợp đồng thế chấp tài sản số 1451/HĐTC-VIB601/17 ngày 16/10/2017.

Căn cứ vào Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1382.KUNN-VIB601.17 ngày 06/10/2017 đã có đủ căn cứ để xác định bị đơn bà Nguyễn Thị B đã được nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q giải ngân tổng cộng số tiền 330.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm ba mươi triệu đồng).

Căn cứ vào Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1451.KUNN-VIB601.17 ngày 17/10/2017 đã có đủ căn cứ để xác định bị đơn bà Nguyễn Thị B đã được nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q giải ngân tổng cộng số tiền 480.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi triệu đồng).

Căn cứ vào Thông báo số: 26916.20 ngày 15/6/2020 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q thì trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn là bà Nguyễn Thị B đã vi phạm Hợp đồng tín dụng số 1382.HĐTD-VIB601.17 ngày 05/10/2017 và Hợp đồng tín dụng số 1541.HĐTD-VIB601.17 ngày 16/10/2017 nên kể từ ngày 25/12/2019 đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn là bà Nguyễn Thị B đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền là: 463.162.971 đồng, trong đó Hợp đồng tín dụng số 1382.HĐTD-VIB601.17 ngày 05/10/2017 đã thanh toán nợ gốc là 133.007.000 đồng và nợ lãi là 69.276.387 đồng. Hợp đồng tín dụng số 1541.HĐTD-VIB601.17 ngày 16/10/2017 đã thanh toán nợ gốc là 166.625.000 đồng và nợ lãi là 94.254.584 đồng.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 18/5/2022 bà Nguyễn Thị B còn nợ Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền tính là: 728.063.324 đồng, trong đó Hợp đồng tín dụng số 1382.HĐTD-VIB601.17 ngày 05/10/2017 nợ gốc là 196.993.000 đồng và nợ lãi là 80.692.213 đồng. Hợp đồng tín dụng số

1541.HĐTD-VIB601.17 ngày 16/10/2017 nợ gốc là 313.375.000 đồng và nợ lãi là 137.003.111 đồng.

Xét, theo quy định của pháp luật:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay *“bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*.

+ Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*

Xét, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn bà Nguyễn Thị B nhưng bà Nguyễn Thị B không đến tòa trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho tòa nên căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn bà Nguyễn Thị B đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B phải thanh toán số tiền tính đến ngày 18/5/2022 tổng cộng số tiền là: 728.063.324 đồng, trong đó Hợp đồng tín dụng số 1382.HĐTD-VIB601.17 ngày 05/10/2017 nợ gốc là 196.993.000 đồng và nợ lãi là 80.692.213 đồng. Hợp đồng tín dụng số 1541.HĐTD-VIB601.17 ngày 16/10/2017 nợ gốc là 313.375.000 đồng và nợ lãi là 137.003.111 đồng, là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về thời hạn trả nợ:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị B phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 1382.HĐTD-VIB601.17 ngày 05/10/2017 và Hợp đồng tín dụng số 1541.HĐTD-VIB601.17 ngày 16/10/2017 ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét, bị đơn bà Nguyễn Thị B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về tiền lãi sau ngày xét xử sơ thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị B phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1382.HĐTD-VIB601.17 ngày 05/10/2017 và Hợp đồng tín dụng số 1541.HĐTD-VIB601.17 ngày 16/10/2017 cho đến khi thi hành án xong.

Căn cứ điểm g mục 1.4 Điều 1 của điều khoản và điều kiện cấp tín dụng kèm theo Hợp đồng tín dụng số 1382.HĐTD-VIB601.17 ngày 05/10/2017 và Hợp đồng tín dụng số 1541.HĐTD-VIB601.17 ngày 16/10/2017 được ký giữa nguyên đơn và bị đơn có quy định “Đối với bất kỳ khoản tiền dư nợ gốc nào được cấp tín dụng theo tài liệu vay vốn (khoản tín dụng) đến hạn phải thanh toán mà bên được cấp tín dụng chưa thanh toán cho VIB là nợ quá hạn và sẽ chịu mức lãi suất bằng 150% của lãi suất đang được áp dụng cho khoản tín dụng (không tính theo lãi suất của chương trình ưu đãi/khuyến mãi) và được tính từ ngày khoản tiền gốc đó đến hạn phải thanh toán cho đến ngày bên được cấp tín dụng thanh toán đầy đủ khoản tiền gốc đó cho VIB”. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với các quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Về Xử lý tài sản bảo đảm:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2021, các buổi hòa giải tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không có yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là: Xe ô tô nhãn hiệu FORD, số loại: ECOSPORT, loại xe: Ô tô con, màu sơn: Nâu, biển số đăng ký 51F-808.28, số máy: UEJA04538, số khung: SBAMFJR04538 đứng tên ông Nguyễn Mạnh H theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 284429 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/7/2017– theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1382/HĐTC-VIB601.17 ngày 05/10/2017, Phụ lục 1 kèm Hợp đồng thế chấp tài sản số 1382/HĐTC-VIB601.17 ngày 05/10/2017; Xe ô tô nhãn hiệu SSANG YONG, số loại: TIVOLI, loại xe: Ô tô con, màu sơn: Ghi, biển số đăng ký 51G-000.48, số máy: 391002072671, số khung: BIVSHP134616 đứng tên bà Nguyễn Thị B theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 306684 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/10/2017– theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1451/HĐTC-VIB601/17 ngày 16/10/2017, Phụ lục 1 kèm Hợp đồng thế chấp tài sản số 1451/HĐTC-VIB601/17 ngày 16/10/2017. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí:

Bị đơn bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị B.

2. Về nội dung:

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q.

Buộc bà Nguyễn Thị B phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền tính đến ngày 18/5/2022 là: 728.063.324 đồng, trong đó Hợp đồng tín dụng số 1382.HĐTD-VIB601.17 ngày 05/10/2017 nợ gốc là 196.993.000 đồng và nợ lãi là 80.692.213 đồng. Hợp đồng tín dụng số 1541.HĐTD-VIB601.17 ngày 16/10/2017 nợ gốc là 313.375.000 đồng và nợ lãi là 137.003.111 đồng.

Trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2 Kể từ ngày 19/5/2022 cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1382.HĐTD-VIB601.17 ngày 05/10/2017 và Hợp đồng tín dụng số 1541.HĐTD-VIB601.17 ngày 16/10/2017. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 33.122.533 đồng (Ba mươi ba triệu một trăm hai mươi hai ngàn năm trăm ba mươi ba) đồng.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q là 14.428.498 (Mười bốn triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm chín mươi tám) đồng, theo biên lai thu số AA/2021/0013942 ngày 19/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKS ND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Đường sự;
- Lưu, hồ sơ (Tk. Thu).

Trần Thị Xuân Duyên